

Số: 246/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
(TESTING FORM)  
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255)3 829213/Fax: 3827085



MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	2	4	6	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: <b>BỂ chứa Dung Quất</b> (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture )	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: <b>21/04/23</b> (Date of sample)	Ngày phân tích: <b>21- 26/04/23</b> (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>04/05/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)		
	<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>		
10.	<b>GIÁM ĐỐC ĐỐC</b> (Director)   <b>Bùi Thị Tố Tâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,51	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	$< 3$	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	$< 1$	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 247/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

(TESTING FORM)




(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



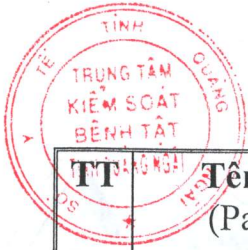
Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	2	4	7	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất</b> (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: <b>21/04/23</b> (Date of sample)	Ngày phân tích: <b>21- 26/04/23</b> (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>04/05/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)		
	<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCVN 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>		
10.	<b>GIÁM ĐỐC</b> (Director) <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b>   <b>Bùi Thị Cẩm Tâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,41	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI  
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 248/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**



(TESTING FORM)

(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255)3 829213/Fax: 3827085



H-VSN	0	2	4	8	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Đồng hồ Sông Hồng</b> (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: <b>21/04/23</b> (Date of sample)	Ngày phân tích: <b>21- 26/04/23</b> (Work day)
		Ngày trả kết quả: <b>04/05/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)	
	<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg-</b> <b>Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục</b> <b>đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>	
10.	<b>GIÁM ĐỐC ĐỐC</b> <b>ĐIỀU GIÁM ĐỐC</b> (Director)  <b>Bùi Thị Tố Tâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CDHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,54	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 254/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

(TESTING FORM)



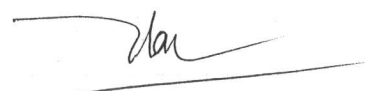
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



MÃ SỐ MẪU:

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

H-VSN 0 2 5 4 2 3

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: <b>BỂ chứa Dung Quất</b> (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture )	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: <b>05/5/23</b> Ngày phân tích: <b>05- 09/5/23</b> (Date of sample) (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>15/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)	
	<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>	
10.	<b>GIÁM ĐỐC</b> (Director)   <b>Bùi Thị Cẩm Lâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,44	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017  
(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích  
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI  
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 255/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

(TESTING FORM)




(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



MÃ SỐ MẪU: VLAT 1.050  
ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp. Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax: 3827085


H-VSN	0	2	5	5	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất</b> (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: <b>05/5/23</b> Ngày phân tích: <b>05- 09/5/23</b> (Date of sample) (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>15/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)	
<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion)  <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>		
10.	<b>GIÁM ĐỐC</b> (Director)   <b>Bùi Thị Cô Lâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CDHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)    <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

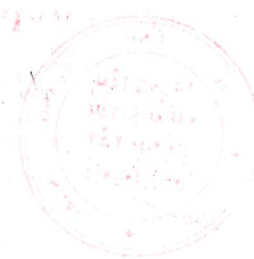
(Testing result)



Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
* 1 Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2 Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3 Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4 pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,57	TCVN 6492: 2011
5 Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6 Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,3	TCVN 2673-78
7 Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8 E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017  
(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích  
- KPH: Không phát hiện

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 256/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2023




**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
(TESTING FORM)  
( CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp.Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085



MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	2	5	6	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Đồng hồ Sông Hồng</b> (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture )	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: <b>05/5/23</b> (Date of sample)	Ngày phân tích: <b>05- 09/5/23</b> (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>15/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)		
	<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>		
10.	<b>GIÁM ĐỐC</b> (Director)   <b>Bùi Thị Lát Lâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM***(Testing result)*

	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,37	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,3	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích

- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 314/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

(TESTING FORM)



(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	3	1	4	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)	
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)		
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)	
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất</b> (Manufacturer)		
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)	
6.	Ngày nhận mẫu: <b>19/5/23</b> (Date of sample)	Ngày phân tích: <b>19- 27/5/23</b> (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>29/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)		
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)		
<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>			
10.	<p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC ĐỐC</b> (Director) <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>  <p style="text-align: center;"><i>Bùi Thị Lát Lâm</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CDHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)</p>  <p style="text-align: center;"><b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b></p>	

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,73	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	$< 3$	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	$< 1$	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017  
(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích  
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

Số: 313/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2023


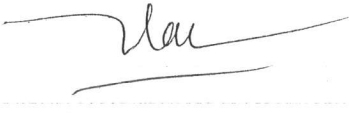
**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
(TESTING FORM)  
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:


H-VSN	0	3	1	3	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Bể chứa Dung Quất</b> (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: <b>19/5/23</b> Ngày phân tích: <b>19- 27/5/23</b> (Date of sample) (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>29/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)	
<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		
10.	<p style="text-align: center;"><b>GIÁM ĐỐC ĐỐC</b> (Director) <b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p>  <p style="text-align: center;"><i>Bùi Thị Tố Tâm</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CDHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)</p>  <p style="text-align: center;"><b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b></p>

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.

# KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)



TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,52	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017  
(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích  
- KPH: Không phát hiện

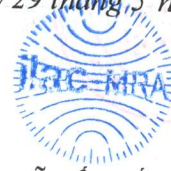
Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



Số: 315/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2023

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
(TESTING FORM)  
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)



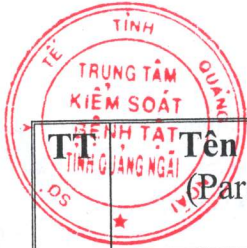
Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Quảng Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân  
Tp Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: (0255) 3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	3	1	5	2	3
-------	---	---	---	---	---	---

1.	Tên mẫu: <b>Nước máy</b> (Name of sample)	Nhãn hiệu mẫu: <b>Không có</b> (Trade, mark of sample)
2.	Tình trạng mẫu: <b>Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.</b> (Condition of sample)	
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: <b>TTKSBT</b> (Sample taking institution)	Đơn vị sản phẩm/mẫu: <b>Khoảng 1.5 lít</b> (Unit of product/sample)
4.	Cơ sở sản xuất: <b>Đồng hồ Sông Hồng</b> (Manufacturer)	
5.	Chủ cơ sở: <b>Công ty CP VINACONEX Dung Quất</b> (Manager of manufacture)	ĐT/Fax: <b>0255 3610159</b> (Telephone number)
6.	Ngày nhận mẫu: <b>19/5/23</b> Ngày phân tích: <b>19- 27/5/23</b> (Date of sample) (Work day)	Ngày trả kết quả: <b>29/5/23</b> (Date of result)
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: <b>Lý hóa-vi sinh.</b> (Testing mandate)	
8.	Thời gian lưu mẫu: <b>Không lưu mẫu.</b> (Sample detaining duration from to)	
<b>KẾT LUẬN</b> (Conclusion) <b>Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCDP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</b>		
10.	<b>GIÁM ĐỐC ĐỐC</b> (Director)  <b>Bùi Thị Lát Lâm</b>	<b>PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CDHA-TDCN</b> (Vice-head of laboratory)  <b>Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI</b>

Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.



## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	$\leq 15$	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20 <sup>0</sup> C và 60 <sup>0</sup> C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	$\leq 2$	$\leq 0,3$	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,68	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	$\leq 0,01$	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP- 28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187- 1:2019

Ghi chú : (\*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017  
(\*\*) : Thông số nhà thầu phụ phân tích  
- KPH: Không phát hiện



Lưu ý: Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.